

SỐ LIỆU CƠ BẢN HUYỆN NINH PHƯỚC

(đến tháng 03/2023)

I. Vài nét về đặc điểm tình hình chung huyện Ninh Phước:

- Huyện Ninh Phước được tái lập ngày 08/01/1982, điều chỉnh diện tích thành lập huyện Thuận Nam (2009). Nằm phía Nam tỉnh Ninh Thuận, phía Đông giáp biển đông, phía Tây giáp huyện Ninh Sơn, phía Nam giáp huyện Thuận Nam và phía Bắc giáp thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Huyện được Thủ tướng Chính phủ công nhận nông thôn mới năm 2019, được Chủ tịch Nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng Nhì năm 2002 và hạng Ba năm 2020; Huyện và 4 xã (Phước Hữu, Phước Thuận, Phước Hải và An Hải) được tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân.

- Toàn huyện có 08 xã và 01 thị trấn với 50 thôn, 15 khu phố; trong đó có 2 thôn đặc biệt khó khăn: Thôn Tà Dương, xã Phước Thái; thôn Liên Sơn 2, xã Phước Vinh. Dân số trung bình 129.871 người/35.730 hộ, gồm 20 dân tộc anh em, trong đó chủ yếu là: Người Kinh 87.680 người, chiếm 67,5%; người Chăm 39.675 người, chiếm gần 30,55%; người Rắclây 2.161 người, chiếm tỷ lệ 1,66%; người Hoa 297 người, chiếm tỷ lệ 0,23% và 58 người (Tày, Nùng, Mường...) của các dân tộc khác chiếm 0,05%. Mật độ dân số trung bình 382,6 người/km².

- Tổng giá trị sản xuất năm 2022 (giá so sánh 2010) 9.844,03 tỷ đồng, tăng trưởng 11,33%; cơ cấu: Giá trị sản xuất ngành nông-lâm-ngư nghiệp 25,94%; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp-xây dựng 45,47% và thương mại-dịch vụ 28,58%; Thu nhập bình quân đầu người đạt 64,45 triệu đồng.

- Bờ biển dài gần 5 km từ Phú Thọ đến Gò Xanh, thềm biển tương đối sâu, đáy biển có nhiều cát và san hô. Nhiệt độ nước biển trung bình 25°C, độ mặn trung bình và ổn định, ngư trường hẹp.

- Giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn có 03 dự án đang huyện kêu gọi đầu tư
(kèm theo danh sách dự án)

II. Đất đai: **33.944,48 ha**

a) Đất nông nghiệp:	26.445,21 ha chiếm 77,9%
1. Đất sản xuất nông nghiệp:	16.456,35 ha chiếm 62,22%
2. Đất Lâm nghiệp có rừng:	9.488,33 ha chiếm 35,88%
3. Đất nuôi trồng thủy sản:	350,12 ha chiếm 1,32%
4. Đất nông nghiệp khác:	137,864 ha chiếm 0,52%
b) Đất phi nông nghiệp:	5.030,585 ha chiếm 14,82%
1. Đất ở:	1.178,03 ha chiếm 23,42%
2. Đất chuyên dùng:	3.180,26 ha chiếm 63,22%
3. Đất tôn giáo, tín ngưỡng:	28,93 ha chiếm 0,58%
4. Đất nghĩa địa, nghĩa trang:	170,07 ha chiếm 3,38%
5. Đất sông suối, kênh rạch	481,76 ha chiếm 9,57 %

6. Đất mặt nước chuyên dùng:	10,42 ha chiếm 0,21%
6. Đất phi nông nghiệp khác	2,06 ha chiếm 0,04%
c) Đất chưa sử dụng:	2.447,74 chiếm 7,21%

d) Cấp quyền sử dụng đất: Trình UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 và hoàn chỉnh hồ sơ Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030. Hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2022. Cấp giấy CNQSDĐ: 14.653,845 ha, đạt 95,35% so với diện tích cần cấp.

III. Kết cấu hạ tầng:

1. Giao thông:

- Đường Sắt dài 9,5 Km.

- Đường Bộ, gồm:

+ Quốc lộ 1A dài 9 Km.

+ Tỉnh lộ gồm 05 tuyến/58,04 Km: Tỉnh lộ 701 dài 4 Km; tỉnh lộ 703 dài 8,94 Km; tỉnh lộ 708 dài 18 Km, tỉnh lộ 710 dài 7,1 Km (còn 400 m đoàn cuối đường 710 chưa bê tông tại xã Phước Hải), tỉnh lộ 709B dài 20 km (liên xã Phước Hữu – Phước Thái – Phước Hậu).

+ Đường Huyện gồm 04 tuyến/27,68km: Tuyến Phước Dân- Thôn Nam Cương dài 9km; tuyến An Long-Trại Giồng dài 5,2km; tuyến Mông Đức -Phước Hữu dài 3,8km; tuyến Phước Hậu –Phước Thiện dài 5,5km; tuyến Mông Đức-Hậu Sanh dài 4,18km đã bê tông và nhựa hóa 100%.

+ Đường trục xã: 57 km/57 km, đã nhựa hóa và bê tông, đạt 100%.

+ Đường trục thôn, khu phố: Đã bê tông 105,93 km/117,26 km, đạt **90,68%**. (tăng 2,9 km so với năm 2022)

+ Đường ngõ xóm: Đã bê tông 108,59/130,74 km, đạt tỷ lệ 95,53%. (tăng 1,9 km so với năm 2022)

+ Đường nội đồng xã, thị trấn: đã kiến cố 147,731 tuyến/160,96 km, đạt 92%.

- Về cấp kỹ thuật: Đa số đường là cấp 4-5. Mật độ đường đạt 0,671 km đường/Km² diện tích tự nhiên. Có 19 chiếc cầu vĩnh cửu Bê tông cốt thép và trên 112 cống qua đường.

2. Thủy lợi:

a) Hệ thống thủy lợi Nha Trinh, bao gồm:

Kênh Nam 29,5km, kênh Chàm 4,6km cơ bản đã được bê tông, kênh Nam 2 5,5km và 36 tuyến kênh cấp 2 dài 105,6 km tưới cho 6.800 ha (Kênh Chàm 3.336 ha). Trong đó ruộng 3 vụ lúa hơn 4.200 ha.

b) Hệ thống tiêu chính gồm 8 trục: Sông Lu 1, sông Lu 2, sông Quao, Mương Sa, Tà Ranh, Hộ Tại, Hóc Rọ và T8 tổng chiều dài hơn 60km.

c) Hệ thống các hồ chứa bao gồm: Hồ Tà Ranh dung tích 1.22 triệu m³ tưới 80ha, hồ Lanh Ra dung tích 13.89 triệu m³ tưới 996ha, hồ Bầu Zôn dung tích 1.682 triệu m³ tưới 138ha.

d) Kênh mương nội đồng:

- Xã (kênh cấp III do xã quản lý): Tổng chiều dài 363,2 km, đã kiên cố hóa 326 km, đạt trên 90%.

- Thị trấn: Có 51 tuyến, Chiều dài 48,827 km, đã kiên cố 23 km, đạt 47%.

3. Thủy sản:

Xây dựng kết cấu hạ tầng vùng sản xuất và kiểm định giống thủy sản tập trung An Hải, dự án nuôi tôm trên cát An Hải. Diện tích nuôi tôm thịt gần 118 ha; 109 trại sản xuất tôm giống. Có Doanh nghiệp Minh Phú- President Đà Loan, Việt – Úc, công ty CP và 07 doanh nghiệp thủy sản khác đang hoạt động nuôi tôm giống.

4. Điện - Điện thoại:

- Có 13 dự án năng lượng tái tạo hoàn thành và nối lưới điện với tổng công suất 489,221 MW (gồm có: 10 dự án điện mặt trời và 3 dự án điện gió); đang triển khai thi công 2 dự án điện mặt trời với tổng công suất 150 MW.

(danh sách cụ thể chi tiết từng dự án phụ lục kèm theo)

- Có 09/09 xã- thị trấn, 100% thôn- khu phố và trên 99,9% hộ gia đình sử dụng điện lưới Quốc gia phục vụ sản xuất và sinh hoạt, **65/65 thôn-khu phố hưởng ứng phong trào thấp sáng đường quê.**

- Mạng lưới điện thoại phủ kín 09/09 xã, thị trấn, 100% hộ gia đình có thuê bao di động, hơn 4200 thuê bao Internet (ADSL).

5. Nước sinh hoạt- rác thải:

Đầu tư nhiều công trình cung cấp nước sinh hoạt (công trình nước tập trung, giếng, hồ chứa), nâng tỷ lệ hộ dùng nước hợp vệ sinh lên 99,7% (năm 2022); 100% xã, thị trấn thực hiện Đề án thu gom, xử lý rác thải và có đội thu gom xử lý rác thải.

IV. Văn hóa – xã hội:

1. Lực lượng lao động:

Tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên: 79.950 người, chiếm 61,56% dân số. Trong đó: Số lao động qua đào tạo chiếm 65%.

2. Giáo dục (Phòng Giáo dục quản lý):

a) Trên địa bàn huyện có **51** trường.

Với **726** phòng học, trực thuộc Phòng Giáo dục quản lý, trong đó:

- Trường THCS :11/135. phòng.

- Trường tiểu học :30/436 phòng .

- Trường mẫu giáo- mầm non :10/155 phòng.

b) Tổng số giáo viên và cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục toàn huyện là **1.519** người (không kể bảo vệ và phục vụ)

- Mẫu giáo: **211** người, Tiểu học: **790** người, Trung học cơ sở: **518** người.

Học sinh đầu năm học 2022-2023 của 3 cấp học: **24.257** học sinh (hs)

- Mẫu giáo: **2.589** hs tăng **14** hs so với năm trước

- Tiểu học: **13.278 hs** tăng **252** hs so với năm trước

- THCS: **8.390 hs** tăng **275** hs so với năm trước

c) Có 09/09 xã- thị trấn được công nhận đạt chuẩn quốc gia về phổ cập tiêu học- xoá mù chữ; phổ cập trung học cơ sở; phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi.

- Có 26/51 trường đạt chuẩn quốc gia, chiếm 51%.

3. Y Tế: Trung tâm Y tế huyện, 09 trạm y tế xã - thị trấn. Có 08 xã và 1 thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Toàn huyện có: 217 cán bộ: Bác sỹ, Y sỹ, Điều dưỡng, Nữ hộ sinh, Dược sỹ, KTV XN, Trong đó: có 167 người dân tộc, chiếm 76,9%.

- Đông y: 08 Hội đông y, 01 chi hội, với 176 hội viên. Cơ sở khám đông y 17 (gồm: 10 cơ sở trong hệ thống y tế, 7 có sở đăng ký hành nghề y dược tư nhân).

4. Văn hoá -thể thao:

a) Trung tâm Văn hoá- Thể thao huyện: Đảm bảo các hoạt động văn hóa – thể thao và tuyên truyền.

b) Số thôn- khu phố phát động xây dựng văn hoá: 65/65 **thôn- khu phố**, công nhận thôn- khu phố văn hoá: 65/65.

c) Thiết chế Văn hoá-Thể thao:

- Nhà tập luyện, thi đấu đa năng huyện : 01

- Trung tâm Văn hóa – Thể thao xã, thị trấn: 09

- Nhà văn hóa – khu thể thao thôn: 65

- Nhà thiếu nhi huyện: : 01

- Nhà hát ngoài trời huyện : 01

- Thư viện : 11.

- Bưu điện văn hoá : 13

- Sân vận động : 26 (gồm: 20 sân không có khán đài, 06 sân có khán đài)

- Sân bóng đá mini cỏ nhân tạo của tư nhân: 13

- Sân bóng chuyền cơ sở : 74

- Sân tennis : 02

d) Di tích

- Cấp Quốc gia: Đình Vạn Phước, Đình Thuận Hòa, Tháp Po Rô mê.

- Cấp tỉnh: Đền Pô Inur Nugar, Đình Ninh Quý, Đình Từ Tâm, Đình Trường Sanh, di tích lịch sử cách mạng sự kiện thảm sát Ấp Nam năm 1947, sự kiện thảm sát Vạn Phước năm 1946, di tích kiến trúc nghệ thuật cấp tỉnh đối với Miếu Thuận Khánh- Phước Thuận.

đ) Di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia: Lễ hội Katê của người Chăm tỉnh Ninh Thuận.

e) Nghệ thuật làm gốm truyền thống của người Chăm làng Bàu Trúc đã được UNESCO ghi danh vào danh sách Di sản phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp.

5. Phương tiện nghe nhìn: Đài FM huyện phủ sóng trên 100% địa bàn dân cư; có 09 trạm truyền thanh cơ sở và trên 100% tổng số hộ có phương tiện nghe nhìn.

6. Chính sách - xã hội:

a) Chính sách

- Bà mẹ Việt Nam Anh Hùng: 186 người.
- Anh hùng lực lượng vũ trang: 03 người (trong đó có 01 người Chăm).

a.1) Người có công với cách mạng : 3.394 người

- Tổng số liệt sĩ: 1.077 người, gồm quy tập 750 mộ (tại nghĩa trang liệt sỹ 327, gia đình quản lý 423), thất lạc 327 mộ.
- Cán bộ lão thành cách mạng và tiền khởi nghĩa (từ trần) : 30 người
- Thương binh và người hưởng chính sách thương binh: 353 người (có 12 người Chăm).
- Bệnh binh: 64 người (01 Rắc Lây).
- Người có công giúp đỡ cách mạng 75 người (có 12 người Chăm).
- Người hoạt động cách mạng bị địch bắt tù đày tra tấn 370 người (có 04 người Chăm).
- Người hoạt động kháng chiến: 1.175 người (có 47 người Chăm).
- Người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học: 49 người.
- Con người nhiễm chất độc do tham gia kháng chiến: 12 người.

a.2) Người hưởng trợ cấp xã hội: 5.277 người

b) Xã hội:

- Tổng số hộ nghèo đa chiều theo chuẩn mới cuối năm 2022: 1.418 hộ, chiếm 3,48%. Trong đó DTTS: 555 hộ, chiếm 4,65% hộ đồng bào dân tộc thiểu số (tổng số hộ 11.931 hộ).
- Tổng số hộ cận nghèo: 2.573 hộ, chiếm 6,31%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1 %.
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi còn 10,4%.

7. Tôn giáo: Toàn huyện có 8 tôn giáo:

a) Có 37 cơ sở tôn giáo/85.318 tín đồ, chiếm 51% dân số huyện.

+ Phật giáo: 21 cơ sở/13163 tín đồ;

+ Công giáo: 8 cơ sở/19.848 tín đồ;

+ Tin lành: 1 cơ sở/534 tín đồ (Trường Thọ, Phước Hậu);

+ Đạo Cao Đài: 1 Cơ sở/365 tín đồ (thôn An Thạnh, xã An Hải);

+ Đạo Bà La môn: 3 cơ sở/41.802 tín đồ (2 tháp, 1 đền);

+ Hội giáo Bà Ni: 3 cơ sở/8968 tín đồ (chủ yếu các thôn Thành Tín, Tuấn Tú, Phú Nhuận).

+ ISLAM: 76 tín đồ

+ Đạo Baha'I: Tại gia/58 tín đồ (Phước Dân);

b) 3 cơ sở phật giáo tự phát:

+ Cơ sở Phổ Hiền (An Thạnh, An Hải);

+ Cơ sở Phước Xuân (Phước Lợi, Phước Thuận);

+ Cơ sở Bảo Sơn (Hoài Trung, Phước Thái).

Đình Thường

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN KÊU GỌI ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Kèm theo thông tin số liệu cơ bản của Ủy ban nhân dân huyện tháng 2 năm 2023)

STT	Tên dự án	Địa điểm đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Diện tích (ha)	Nguồn gốc đất	Hiện trạng đất	Dự kiến vốn đầu tư (tỷ đồng)	Sự phù hợp quy hoạch SDD, QH XD, Quy hoạch ngành...	Dự kiến thực hiện năm 2023
1	Chợ Bình Quý	KP9, thị trấn Phước Dân	Nhằm đưa hoạt động kinh doanh buôn bán của các hộ kinh doanh và sự sắp xếp quy củ, đảm bảo ổn định An ninh TTXH, ATGT cho khu vực và thực hiện nếp sống văn minh	0,55	Đất của người dân	Hiện trạng khu đất là đất trồng lúa	5	Quy hoạch là đất xây dựng chợ tại Quyết định số 1751/QĐ-UBND ngày 27/7/2018	2023-2025
2	Xây dựng chợ Phú Quý	thị trấn Phước Dân	Xây dựng chợ nhằm giải quyết nhu cầu trao đổi hàng hóa, giao thương phát triển kinh tế xã hội gắn với phát triển đô thị loại IV của thị trấn	1,21	Đất do thị trấn Phước Dân đang quản lý	Đất chợ hiện hữu	10	Vị trí dự án được quy hoạch là chợ tại Quyết định số 6341/QĐ-UBND ngày 29/11/2011 của UBND huyện Ninh Phước về việc phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng (tỉ lệ/2000) thị trấn Phước Dân	2023-2025
3	Dự án đầu tư Hạ tầng vùng sản xuất giống thủy sản ứng dụng công nghệ cao An Hải	Xã An Hải, Huyện Ninh Phước	Hoàn thiện cơ sở hạ tầng vùng sản xuất giống thủy sản công nghệ cao; nâng cao chất lượng giống thủy sản cung cấp cho nhu cầu nuôi thương phẩm cả nước; góp phần để Ninh Thuận trở thành Trung tâm giống thủy sản chất lượng cao của cả nước	245	Đất của người dân	Đất đang nuôi tôm, đất bỏ trống	300	Quy hoạch là đường đi và đất trung tâm giống thủy sản thuộc Đồ án Quy hoạch chung khu du lịch ven biển phía Nam tỉnh Ninh Thuận đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 11/6/2020; về quy hoạch sử dụng đất, UBND huyện đã đưa vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030	2023-2025

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN NĂNG LƯỢNG TÁI TẠO HOÀN THÀNH VÀ ĐANG THI CÔNG 2023

(Kèm theo thông tin số liệu cơ bản của Ủy ban nhân dân huyện tháng 2 năm 2023)

T T	Tên dự án	Công suất	Số tiền	Năm hoàn thành
I	CÁC DỰ ÁN THỰC HIỆN XONG			
1	Nhà máy điện mặt trời BP Solar	36,8	1.200	2019
2	Nhà máy điện mặt trời Phước Hữu	50	1.425	2019
3	Trang trại ĐMT SP -Infra NT (Hà Đô)	40	1.633	2020
4	Nhà máy điện mặt trời 6.1	7	169	2019
5	Nhà máy điện mặt trời 6.2	40	808,7	2019
6	Nhà máy điện mặt trời Phước Hữu - Điện lực 1	24,19	747	2019
7	Nhà máy điện mặt trời Singnergry Ninh Thuận 1	50	1.319	2019
8	Nhà máy điện mặt trời Phước Thái 1	50	1.403	2020
9	Nhà máy điện mặt trời Bàu Zôn	25	594	2020
10	Nhà máy điện mặt trời Thiên Tân 1.3	40	969	2020
11	Điện gió số 5 (Trung Nam)	46,2	1,664	2021
12	Dự án điện gió Win Energy Chiến Thắng Phước Hữu	50	1.970	2021
13	Dự án Nhà máy điện gió Phước Hữu- Duyên Hải 1	30	1.260	2021
	Tổng	489,221	15.161,7	
II	CÁC DỰ ÁN ĐANG THI CÔNG			
1	Nhà máy ĐMT Phước thái 2	100	1514,40	2023
2	Nhà máy ĐMT Phước thái 3	50	848,94	2023
	Tổng	150	2.363,3	